TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2018/DS-ST.
Ngày: 13 -11-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*

Ông **Đàm Thanh Vũ**

Ông **Phan Minh Đức**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đặng Thị Vàng**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa*: Ông **Lý Văn Hiếu**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST – DS ngày 08/6/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST – DS ngày 28/9/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-DS ngày 16/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Đ**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: khóm VM, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Q**, sinh năm 1970 (vắng mặt không có lý do)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông **Trần N**, sinh năm 1965 (Vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Đ trình bày:**

*** Thứ nhất đối với khoản tiền vay trả góp:**

Vào cuối năm 2016 đến khoảng giữa năm 2017 âm lịch bà đã nhiều lần cho bà Q vay tiền trả góp gồm:

Ngày 29/11/2016 vay 40.000.000đồng; ngày 28/3/2017 vay 10.000.000đồng; ngày 15/4/2017 vay 15.000.000đồng; ngày 20/4/2017 vay 16.000.000đồng; ngày 15/5/2017 vay 45.000.000đồng; ngày 04/6/2017 vay 30.000.000đồng; ngày 05/6/2017 vay 15.000.000đồng; ngày 29/6/2017 vay 31.000.000đồng. Các lần vay bà Q nhận tiền và viết biên nhận nhưng ghi tên là Nguyễn Q. Bà Q vay nhiều lần mà không đóng cho bà đến 11/11/2017 bà và bà Q kết nợ lại bà Q thiếu bà 202.000.000đồng và có làm biên nhận ngày 11/11/2017.

*** Thứ hai đối với khoản tiền vay trả lãi hàng tháng:**

Ngày 20/3/2017 bà cho bà Q vay 6.000.000đồng và ngày 20/6/2017 cho vay thêm 95.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả là 08 tháng kể từ ngày vay nhưng từ khi vay đến nay bà Q chỉ trả 1.000.000đồng tiền vốn. Đến ngày 17/11/2017 bà Q có làm tờ kết nợ còn thiếu bà 100.000.000đồng. Việc bà Q hỏi tiền ông N cũng biết và ông N có hứa với tôi để từ từ trả nhưng đến nay không trả. Nay bà yêu cầu bà Q và ông N trả cho bà số tiền 302.000.000đồng của hai khớp vay và không yêu cầu tính lãi.

*** Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Q trình bày như sau:**

Bà thừa nhận có hỏi tiền của bà Đ số tiền là 150.000.000đồng lãi suất 30%/tháng, Bà hỏi vay để cho vay lại nhằm để xoay sở trong gia đình chồng bà không biết và cũng không đồng ý cho bà vay tiền và cho vay lại, việc vay nợ của bà Đ theo như giấy nợ do bà Đ cung cấp đúng là do bà viết và ký tên. Bà thừa nhận đến nay còn thiếu bà Đ số tiền 302.000.000đồng nhưng bà xin trả mỗi tháng 4.000.000đồng bà tự trả một mình không liên quan đến chồng bà, nếu bà Đ đồng ý thì qua tết bà trả cho bà Đ 50.000.000đồng. Bà và ông N sống chung có đăng ký kết hôn và có 02 đứa con, đứa lớn có gia đình riêng đứa nhỏ thì vợ chồng bà đang nuôi.

Theo bà Đ yêu cầu chồng bà phải có trách nhiệm trả nợ bà không đồng ý, bà tự chịu trách nhiệm trả số nợ theo yêu cầu của bà Đ và xin trả dần. Còn việc đóng lãi không có giấy tờ nên bà không yêu cầu tính lại phần lãi đã đóng.

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần N không có ý kiến trình bày**

*** Phát biểu của kiểm sát viên**: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa hôm nay vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Đ và bà Q có thỏa thuận vay tiền trên cơ sở tự nguyện không trái pháp luật sau khi vay bà Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cho bà Đ cho nên bà Đ căn cứ vào biên nhận cũng như lời thừa nhận của bà Q để yêu cầu bà Q trả nợ là có căn cứ. Đối với bà Q cũng thừa nhận nợ nhưng chỉ đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ không muốn ông N phải cùng có trách nhiệm trả nợ, tuy

nhiên từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Đ, xét thấy việc vay nợ trong thời gian bà Q và ông N sống chung, việc bà Q vay tiền để về xoay sở trong gia đình tiếp giúp cuộc sống hàng ngày của gia đình cho nên ông N cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Q cho bà Đ là có cơ sở. Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Q và ông N có trách nhiệm trả số tiền 302.000.000đồng cho bà Đ. Bà Q, ông N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn cũng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bà Q, ông N nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Q, ông N.

[2] Về nội dung:

Từ ngày 29/11/2016 đến ngày 17/11/2017 bà Trần Đ có cho bà Nguyễn Q vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 302.000.000đồng có làm biên nhận việc này là có xảy ra trên thực tế, việc các bên giao dịch vay tiền là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định pháp luật nên được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Bà Q vay tiền bà Đ để về cho vay lại nhằm mục đích xoay sở trong gia đình việc này bà Q cũng đã thừa nhận xem đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi vay bà Q đã không trả nợ vay cho bà Đ theo đúng thỏa thuận như vậy là bà Q vi phạm nghĩa vụ của mình cho nên tại phiên tòa hôm nay bà Đ yêu cầu bà Q trả nợ là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩ nên chấp nhận.

[3] Đối với ông Trần N mặc dù không trực tiếp nhận tiền vay tuy nhiên ông cũng không có ý kiến phản đối việc bà Q vay tiền của bà Đ, trong suốt quá trình tố tụng cho đến tại phiên tòa hôm nay ông N cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông không có trách nhiệm đối với giao dịch do bà Q thực hiện. Hơn nữa, việc bà Q vay tiền cũng nhằm mục đích xoay sở trong gia đình, cũng một phần lo điều trị bệnh của bà Q được xem là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình cho nên ông N phải có trách nhiệm cùng với bà Q đối với khoản nợ vay của bà Đ. Vì vậy: bà Đ yêu cầu bà Q và ông N có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận.

[4] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thị xã Ngã Năm phát biểu: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Bà Đ và bà Q có thỏa thuận vay tiền trên cơ sở tự nguyện không trái pháp luật sau khi vay bà Q đã không thực hiện đúng nghĩa vụ cho bà Đ cho nên bà Đ căn cứ vào biên nhận cũng như lời thừa nhận của bà Q để yêu cầu bà Q trả nợ là có căn cứ. Đối với bà Q cũng thừa nhận nợ nhưng chỉ đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ không muốn ông N phải cùng có trách nhiệm trả nợ, tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Đ, xét thấy việc vay nợ trong thời gian bà Q và ông N sống chung, việc bà Q vay tiền để về xoay sở trong gia đình tiếp giúp cuộc sống hàng ngày xem như phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình cho nên ông N cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Q cho bà Đ là có cơ sở. Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Q và ông N có trách nhiệm trả số tiền 302.000.000đồng cho bà Đ. Bà Q, ông N phải chịu án phí theo quy định.

Từ những phân tích trên thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Án phí bà Q, ông N phải chịu 15.100.000đồng (302.000.000đồng x 5%) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí, lệ phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Đ được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 92; Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

*** <u>Tuyên xử</u>:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Q và ông Trần N trả nợ vay.

Buộc bà Nguyễn Q và ông Trần N cùng có trách nhiệm trả cho bà Trần Đ số tiền 302.000.000đồng (Ba trăm lẻ hai triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Q, ông N còn phải trả lãi cho bà Đ theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Bà Q, ông N chịu 15.100.000đồng tiền án phí. Bà Đ được trả lại tiền tạm ứng án phí 7.550.000đồng theo biên lai thu số 0001443 ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án thị xã Ngã Năm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh